

# Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma

## Môn học: PĀLI PHÁP CÚ

**Bài học chủ nhật 16.10.2022**

---

## V. Phẩm Người Ngu\_ Kệ số 14 và 15 (dhp 73, 74)

### Duyên sự:

Hai bài kệ này được đức Phật thuyết khi Ngài trú tại chùa Jetavana gần thành Sāvatti, do câu chuyện của Trưởng lão Sudhamma trụ trì ngôi chùa của gia chủ Citta ở thị trấn Macchikāsaṇḍa.

Gia chủ Citta ở Macchikāsaṇḍa là một cận sự nam trước đặc quả dự lưu nhờ nghe tôn giả Mahānāma thuyết pháp, ông Citta đã kiến tạo ngôi chùa Ambātakavana cúng dường đến tôn giả Mahānāma với đoàn tăng chúng, và thỉnh Trưởng lão Sudhamma người ở Macchikāsaṇḍa làm trụ trì.

Thời gian sau, hai vị thượng thủ thỉnh văn đã đi đến Macchikāsaṇḍa, thuyết pháp tế độ gia chủ Citta đặc quả A na hàm. Gia chủ đã cung thỉnh nhị vị thượng thủ thỉnh văn về nhà cúng dường vật thực, sau đó mới đến chùa thỉnh sư trụ trì Sudhamma đến nhà.

Bị thỉnh sau các vị khách tăng nên sư trụ trì tự ái từ chối lời mời. Nhưng sáng hôm sau, sư trụ trì cũng ghé nhà gia chủ Citta để nói những lời châm biếm rồi bỏ chùa ra đi.

Sư trụ trì Sudhamma đi đến Jetavana thành Sāvatti đánh lễ đức Phật và kể lại sự tình. Đức Phật đã khuyên sư trụ trì ấy nên xin lỗi gia chủ Citta vì ông ta là vị thánh cư sĩ.

Trưởng lão Sudhamma miễn cưỡng trở về chùa xin lỗi gia chủ Citta, thấy thái độ của Trưởng lão không thật lòng nên gia chủ Citta không chấp nhận.

Trưởng lão Sudhamma bỏ đi đến Sāvatti và bạch với đức Phật sự việc. Đức Thế Tôn biết tâm của Trưởng lão Sudhamma còn kiêu mạn tự ái nên Ngài đã nhắc nhở rồi truyền dạy một vị tỳ kheo cùng đi với Trưởng lão Sudhamma trở về Macchikāsaṇḍa một lần nữa để xin lỗi gia chủ Citta. Ngài cũng dạy thêm rằng: hễ

là bậc sa môn thì không nên nghĩ là Chùa của ta, trú xứ của ta, thiện nam tín nữ của ta, vì như vậy làm cho dục mạn tăng trưởng, rồi Thế Tôn nói lên hai bài kệ: “*Asantaṃ bhāvanamiccheyya ... icchā māno ca vaḍḍhati*”.

Trưởng lão Sudhamma nghe lời giáo huấn này, cùng với vị tỳ kheo sứ giả trở về xin lỗi ông cận sự nam và được tha thứ. Vài ngày sau, Trưởng lão Sudhamma suy nghiệm lời giáo huấn của bậc đạo sư, đã đắc quả A la hán với tuệ phân tích.

\*

**Chánh văn:**      **Asantaṃ bhāvanamiccheyya  
purekkhārañca bhikkhusu  
āvāsesu issariyaṃ  
pūjā parakulesu ca.**

(dhp 73)

**Mameva kata maññantu  
gihī pabbajitā ubho  
mamevātivasā assu  
kiccākiccesu kismici  
iti bālassa saṅkappo  
icchā māno ca vaḍḍhati.**

(dhp 74)

\*

**Thích văn:**

**asantaṃ** [đổi cách số ít trung tính của tính từ **asanta** (na + santa)] không thực có, không đáng được, không xứng = **avijjamānaṃ** (chú giải).

**bhāvanamiccheyya** [hợp âm **bhāvanaṃ iccheyya**]

**bhāvanaṃ** [đổi cách số ít của danh từ trung tính **bhāvana**] danh xưng, danh hiệu = **sambhāvanaṃ** (chú giải).

**iccheyya** [động từ khả năng cách ngôi III số ít ( $\sqrt{\text{is}} + a$ )] ước muốn, mong ước.

**purekkhārañca** [hợp âm **purekkhāraṃ ca**]

**purekkhāraṃ** [đổi cách số ít của danh từ nam tính **purekkhāra** (pure + kara)] sự ăn trên ngòai trước, sự trân trọng, sự nể kính.

**bhikkhusu** [**bhikkhūsu** định sở cách số nhiều của danh từ nam tính **bhikkhu**] trong hàng tỳ kheo, giữa các tỳ kheo.

**āvāsesu** [định sở cách số nhiều của danh từ nam tính **āvāsa**] trong các chỗ ở, tại các tự viện.

**issariyaṃ** [đổi cách số ít của danh từ trung tính **issariya**] quyền hành, quyền hạn, thâm quyền.

**pūjaṃ** [đổi cách số nhiều của danh từ nữ tính **pūjā**] sự cúng dường, sự kính lễ.

**parakulesu** [định sở cách số nhiều của hợp thể danh từ trung tính **parakula** (para + kula)] ở các gia đình kia, tại những gia đình nọ.

**mameva** [hợp âm **mama eva**]

**mama** [sở thuộc cách số ít của nhân xưng đại từ **amha**] của ta, của tôi “**mameva**” của chính tôi.

**kataṃ** [đổi cách số ít trung tính của quá khứ phân từ **kata** ( $\sqrt{\text{kar}} + \text{ta}$ )] đã được làm, việc đã làm.

**maññantu** [động từ mệnh lệnh cách ngôi III số nhiều ( $\sqrt{\text{man}} + \text{ya}$ )] họ hãy biết, hãy để họ biết.

**gihī** [chủ cách số nhiều của danh từ nam tính **gihī**] tục gia, cư sĩ, những người tại gia.

**pabbajitā** [chủ cách số nhiều của danh từ nam tính **pabbajita**] các tu sĩ, những người xuất gia.

**ubho** [chủ cách số nhiều của đại từ **ubha**] cả hai.

**mamevātivasā** [hợp âm **mama eva ativasā**]

**ativasā** [chủ cách số nhiều của danh từ nam tính **ativasa**] sự kiểm soát, sự cai quản.

**assu** [động từ khả năng cách ngôi III số nhiều ( $\sqrt{as}$ )] phải có, có thể là.

**kiccākiccesu** [định sở cách số nhiều của hợp thể danh từ trung tính **kiccākicca** (kicca + akicca)] trong mọi việc lớn nhỏ, trong các phận sự hay không phải phận sự.

**kismici** [định sở cách cách số ít của phiếm chỉ đại từ **kaci**] trong bất cứ điều gì, trong mỗi việc nào.

**iti** [bất biến từ] như thế, như vậy.

**bālassa** [sở thuộc cách số ít của danh từ nam tính **bāla**] của kẻ ngu.

**saṅkappo** [chủ cách số ít của danh từ nam tính **saṅkappa**] ý nghĩ, tư duy, sự suy nghĩ.

**icchā** [chủ cách số ít của danh từ nữ tính **icchā**] dục, sự tham muốn.

**māno** [chủ cách số ít của danh từ nam tính **māna**] mạn, kiêu mạn.

**vaḍḍhati** [động từ tiến hành cách ngôi III số ít ( $\sqrt{vaḍḍh + a}$ )] tăng trưởng, lớn mạnh.

\*

**Việt văn:** Muốn danh không tương xứng  
muốn ngồi trước tỳ kheo  
muốn quyền trong tự viện  
muốn nhà nhà lễ kính.

(pc 73)

Mong cả hai, tăng\_tục  
hãy biết việc ta làm  
trong mọi việc lớn nhỏ  
phải theo mệnh lệnh ta

người ngu nghĩ như vậy  
dục và mạn tăng trưởng.

(dhp 74)

\*

### **Chuyển văn:**

*Asantaṃ bhāvanaṃ iccheyya bhikkhūsu purekkhārañca āvāsesu ca issariyaṃ parakusesu pūjā ca, gihī pabbajitā ubho mama eva kataṃ maññantu kismici kiccākiccesu mama eva ativasā assu iti bālassa saṅkappo icchā māno ca vaḍḍhati.*

Ưa muốn danh hiệu không tương xứng, muốn ngồi trên trước giữa các tỳ kheo, muốn quyền hạn trong tự viện, muốn được lễ kính tại các tư gia, nghĩ rằng “cả hai hàng tại gia và xuất gia hãy biết chỉ có ta làm, trong bất cứ công việc lớn nhỏ đều phải theo mệnh lệnh của ta”, đó là ý nghĩ của kẻ ngu, sự tham vọng và kiêu mạn của nó tăng trưởng.

\*

### **Lý giải:**

Vị tỳ kheo ngu dốt thường có những mong muốn xấu xa:

- Muốn danh không tương xứng (*Asantaṃ sambhāvanaṃ icchati*) tức là vị ấy không có niềm tin lại muốn quần chúng xưng tụng “ta là người có niềm tin”; vị ấy sống không giới hạnh, muốn được khen tụng là người có giới; Vị ấy ít học lại muốn được khen tụng là bậc đa văn ..v.v.. Đây gọi là muốn danh không tương xứng.
- Muốn ngồi trước tỳ kheo (*purekkhārañca bhikkhūsu icchati*) tức là đi đâu cũng muốn dẫn đầu các tỳ kheo; Ngồi đâu cũng muốn ngồi chỗ trên trước các vị tỳ kheo; ở trong chùa thì muốn lúc nào các tỳ kheo cũng vây quanh và hỏi han mình ... Đó gọi là muốn ngồi trước tỳ kheo.
- Muốn quyền trong tự viện (*Āvāsesu issariyaṃ icchati*) tức là ở tại chùa hay tịnh xá hay chỗ cư ngụ thuộc về Tăng, vị ấy dành quyền hạn sắp xếp chỗ ở cho các vị tỳ kheo theo ý của mình, ưa vị nào thì sắp xếp chỗ ở nơi thuận

tiện tốt đẹp, không ưa vị nào thì chỉ định cho chỗ ở phía sau, hẻo lánh, tù túng ..v.v.. Đây gọi là muốn quyền trong tự viện.

- Muốn nhà nhà lễ kính (*parakulesu pūjāṃ icchati*) là vị ấy muốn tại những gia đình cư sĩ khác, không phải nhà cha mẹ hay nhà của quyền thuộc, chỉ có mình là được cúng dường tứ sự, những vị khác không được. Đó gọi là ước muốn nhà nhà lễ kính.

Ngoài những ước muốn xấu xa như thế, kẻ ngu luôn có ý nghĩ là:

- Trong chùa, người xuất gia hay người tại gia, mong rằng họ hãy biết do chính ta đã làm mọi công việc, do ta quán xuyến.
- Hoặc nghĩ, mỗi việc lớn hay nhỏ gì trong chùa cũng phải theo sự điều hành của ta, theo mệnh lệnh của ta.

Đó là ý nghĩ của kẻ ngu muội. Một vị tỳ kheo ngu muội như thế thì tham vọng càng tăng trưởng, và sự ngạo mạn cũng tăng trưởng.

***Tỳ khuru Tuệ Siêu biên soạn***